

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2009

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 từ trang 6 đến trang 25.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) - đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Inconess Hà Nội - được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103016510 ngày 30/03/2007, và thay đổi Đăng ký kinh doanh lần 8 ngày 15/10/2009 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty được cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số 134/LĐTBXH-GP ngày 26/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 6 Tòa nhà Viglacera, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là 87.020 triệu đồng Việt Nam, chia thành 8.702.000 cổ phần phổ thông, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Toàn bộ cổ phiếu của Công ty đăng ký lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội HNX với mã chứng khoán SHN, ngày chào sàn 16/12/2009.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH

Theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 số 0103016510 ngày 15/10/2009 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh ô tô, xe máy và phụ tùng ô tô, xe máy;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế phục vụ cho ngành công nghiệp, nông nghiệp;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Tư vấn đầu tư tài chính;
- Dịch vụ ủy thác đầu tư;
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, hạ tầng giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, hạ tầng đô thị;
- Thiết kế quy hoạch, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn, thiết kế công trình đường bộ;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường;
- Giám sát thi công các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: bao gồm các dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (không bao gồm dịch vụ giám định hàng hóa; định giá tài sản thuộc thẩm quyền của Nhà nước; không bao gồm tư vấn giá đất);
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Kinh doanh sắt, thép, phôi thép và kim loại màu;
- Mua, bán lương thực, thực phẩm, phân bón các loại.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 6 đến trang 25 kèm theo.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Đinh Hồng Long	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 03/10/2009
2. Ông Đào Mạnh Kháng	Phó Chủ tịch	
3. Ông Phạm Hồng Hải	Ủy viên	
4. Ông Lưu Quang Minh	Ủy viên	
5. Bà Lương Thị Anh Hà	Ủy viên	
6. Ông Nguyễn Thanh Sơn	Ủy viên	

Ban Giám đốc

1. Ông Đinh Hồng Long	Tổng Giám đốc
2. Ông Lưu Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Nguyễn Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
4. Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Hải Yến

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY Ltd) – Thành viên độc lập của Hãng kiểm toán quốc tế UHY INTERNATIONAL (UHY).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện bất thường hoặc sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính nào có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Đinh Hồng Long

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2010

Số: /2010/UHY – BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 từ trang 06 đến trang 25, gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009 cùng với các báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 4, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý, xét trên những khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội tại ngày 31/12/2009, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Chúng tôi không phủ nhận ý kiến trên mà chỉ lưu ý người đọc Báo cáo tài chính như sau: Như đã nêu tại thuyết minh số 4.6 và 4.10, giá trị cổ phiếu chưa niêm yết đem cầm cố thế chấp và các khoản đầu tư dài hạn bao gồm đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết và các khoản đầu tư dài hạn khác trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009 theo giá trị gốc.

Phạm Thị Hồng Liên
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1131/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2010

Nguyễn Thị Phương Thảo
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0933/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		145.701.230.731	142.400.602.819
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	7.714.636.862	12.622.827.216
Tiền	111		7.714.636.862	3.722.827.216
Các khoản tương đương tiền	112		-	8.900.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	20.640.953.003	22.109.674.980
Đầu tư ngắn hạn	121		22.879.991.670	23.046.674.980
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.239.038.667)	(937.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.861.734.337	48.725.016.864
Phải thu khách hàng	131		3.995.856.498	7.134.915.109
Trả trước cho người bán	132		13.843.625.591	21.274.538.280
Các khoản phải thu khác	135	4.3	17.072.127.839	20.382.623.475
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(49.875.591)	(67.060.000)
IV. Hàng tồn kho	140	4.4	50.907.308.140	46.948.010.486
Hàng tồn kho	141		50.907.308.140	46.948.010.486
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.576.598.389	11.995.073.273
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.5	3.299.694.518	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.319.341.807	3.090.877.687
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		265.968.968	2.116.984.304
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.6	25.691.593.096	6.787.211.282
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		66.962.183.931	39.792.941.925
II. Tài sản cố định	220		4.668.341.123	1.997.785.520
Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	4.668.341.123	1.997.785.520
- Nguyên giá	222		5.752.094.871	2.602.132.996
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.083.753.748)	(604.347.476)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		60.756.380.000	36.149.000.000
Đầu tư vào công ty con	251	4.8	249.030.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.9	4.434.000.000	4.634.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	4.10	56.669.350.000	31.515.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(596.000.000)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.537.462.808	1.646.156.405
Chi phí trả trước dài hạn	261		533.157.252	414.134.821
Tài sản dài hạn khác	268		1.004.305.556	1.232.021.584
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		212.663.414.662	182.193.544.744

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		116.376.024.247	95.944.978.862
I. Nợ ngắn hạn	310		116.376.024.247	95.944.978.862
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.11	62.820.443.031	29.044.200.000
Phải trả người bán	312		2.577.943.736	3.294.064.365
Người mua trả tiền trước	313		16.360.952.430	37.890.830.211
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		7.750.949	70.871.320
Phải trả người lao động	315		63.300.000	-
Chi phí phải trả	316		940.757.102	1.585.893.943
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.12	33.604.876.999	24.059.119.023
II. Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.13	96.287.390.415	86.248.565.882
I. Vốn chủ sở hữu	410		96.390.854.848	86.128.849.388
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		87.020.000.000	80.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		504.000.000	7.524.000.000
Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	(2.000.000.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(238.601.444)	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		227.058.494	227.058.494
Quỹ dự phòng tài chính	418		113.529.247	113.529.247
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.764.868.551	264.261.647
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(103.464.433)	119.716.494
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		(103.464.433)	119.716.494
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		212.663.414.662	182.193.544.744

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)			53.959,72	499,64
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Đinh Hồng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2010

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		229.689.912.009	196.260.769.126
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		8.487.000	638.694.786
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch	10	5.1	229.681.425.009	195.622.074.340
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	213.766.662.712	183.357.901.265
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch	20		15.914.762.297	12.264.173.075
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	20.348.010.111	9.282.360.308
7. Chi phí tài chính	22	5.4	14.771.630.971	11.258.456.573
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.518.233.647</i>	<i>2.540.422.910</i>
8. Chi phí bán hàng	24	5.5	2.770.043.124	5.207.237.447
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	5.798.975.529	4.838.297.281
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.922.122.784	242.542.082
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.922.122.784	242.542.082
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	2.016.545.880	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60		10.905.576.904	242.542.082

Đinh Hồng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2010

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
1	2	3	4
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	243.358.670.214	247.625.728.794
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(231.437.511.379)	(246.097.000.158)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.714.565.730)	(2.877.379.660)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(4.156.746.551)	(910.232.977)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(165.530.544)	(2.984.130.427)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	217.936.928	61.467.115.776
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(52.082.101.646)	(86.059.374.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(46.979.848.708)	(29.835.273.552)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.149.961.875)	(540.332.787)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(149.751.910.000)	(19.086.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	144.169.813.676	16.657.473.898
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.784.030.000)	(31.735.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	400.000.000	-
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.695.764.782	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.579.676.583	(34.703.858.889)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	2.000.000.000	53.412.500.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	-	(3.130.000.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	385.259.588.295	34.993.024.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(351.704.677.407)	(25.109.351.844)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.035.659.816)	(1.680.619.746)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	33.519.251.072	58.485.552.410
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(4.880.921.053)	(6.053.580.031)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12.622.827.216	18.676.407.247
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(27.269.301)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	7.714.636.862	12.622.827.216

Đinh Hồng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2010

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) - đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Inconess Hà Nội - được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103016510 ngày 30/03/2007, và thay đổi Đăng ký kinh doanh lần 8 ngày 15/10/2009 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty được cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số 134/LĐTBXH-GP ngày 26/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 6 Tòa nhà Viglacera, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh ô tô, xe máy và phụ tùng ô tô, xe máy;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế phục vụ cho ngành công nghiệp, nông nghiệp;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Tư vấn đầu tư tài chính;
- Dịch vụ ủy thác đầu tư;
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, hạ tầng giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, hạ tầng đô thị;
- Thiết kế quy hoạch, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn, thiết kế công trình đường bộ;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường;
- Giám sát thi công các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: bao gồm các dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (không bao gồm dịch vụ giám định hàng hóa; định giá tài sản thuộc thẩm quyền của Nhà nước; không bao gồm tư vấn giá đất);
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Kinh doanh sắt, thép, phôi thép và kim loại màu;
- Mua, bán lương thực, thực phẩm, phân bón các loại.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 Áp dụng các Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán Việt Nam

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu và các khoản đầu tư khác. Các khoản đầu tư ngắn hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và dự phòng về tổn thất của các khoản đầu tư khác. Giá vốn của chứng khoán đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền mỗi tháng.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

3.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu được tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là khó đòi sẽ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền; bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng. Hàng tồn kho được hạch toán theo nguyên tắc kê khai thường xuyên. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

3.7 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Cụ thể, thời gian khấu hao đối với các nhóm tài sản cố định của Công ty như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Năm</u>
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3

3.8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi sổ theo giá gốc. Lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính dựa trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các tổ chức kinh tế mà Công ty có tham gia góp vốn. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản phát sinh khác (ngoài lợi nhuận được chia) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn phần lớn là đầu tư vào các doanh nghiệp mới thành lập với tư cách cổ đông sáng lập hoặc đầu tư vào các dự án mới trong giai đoạn bắt đầu triển khai. Do không có dấu hiệu nào cho thấy các khoản đầu tư này có sự giảm giá nên Công ty không trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này tại thời điểm 31/12/2009.

3.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.10 Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Năm 2009, Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC ban hành ngày 15/10/2009 về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, theo đó:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được phản ánh vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được đánh giá lại và chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư có gốc ngoại tệ này được phản ánh vào bảng cân đối kế toán dưới chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá”. Việc hạch toán chênh lệch tỷ giá này có sự khác biệt so với số liệu so sánh, cụ thể, năm 2008, khoản chênh lệch tỷ giá này được thể hiện trên kết quả kinh doanh trong kỳ dưới hình thức “Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện”. Khoản lợi nhuận (nếu có) do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được loại trừ khi xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và không dùng để chia cho các cổ đông.

3.11 Chính sách ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành, được khách hàng thanh toán hoặc chấp thuận thanh toán.

Giao dịch chứng khoán được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thỏa thuận về chuyển giao tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

3.12 Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 25%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.13 Các bên liên quan

Một bên được gọi là bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có thể ảnh hưởng lớn đến Công ty trong các quyết định về hoạt động và tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	628.818.817	2.424.358.725
Tiền gửi ngân hàng	7.085.818.045	1.298.468.491
Các khoản tương đương tiền	-	8.900.000.000
Tổng	7.714.636.862	12.622.827.216

4.2 Các khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	18.638.820.000
Cổ phiếu niêm yết	15.918.675.224	4.045.289.980
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	6.961.316.446	362.565.000
Tổng	22.879.991.670	23.046.674.980
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.239.038.667)	(937.000.000)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư	20.640.953.003	22.109.674.980

Ghi chú:

(*): Giá trị đầu tư ngắn hạn khác chủ yếu là các khoản Công ty cho các cá nhân vay lại theo quy chế số 02/HĐQT ngày 17/06/2009 của Hội đồng Quản trị về việc huy động vốn nhân rồi của các thành viên trong Công ty và các tổ chức hoặc cá nhân ngoài xã hội. Theo quy chế này, các cá nhân có tài sản cho Công ty mượn làm tài sản thế chấp vay vốn ngân hàng thì được vay lại tối đa 65% số tiền mà Công ty được vay với lãi suất theo lãi suất ngân hàng.

4.3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cơ điện và Công trình (1)	1.187.350.000	162.225.000
Công ty Đầu tư Tài chính Findex	24.251.897	4.349.004.332
Tiền gốc vay và lãi vay phải thu cá nhân	497.996.556	9.658.996.917
Phải thu các cá nhân theo hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán	-	6.212.247.226
Công ty CP Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2)	10.973.042.395	-
Công ty CP Đầu tư Tài chính Ninh Bắc (3)	4.382.400.000	-
Phải thu khác	7.086.991	150.000
	17.072.127.839	20.382.623.475

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác (tiếp)**Ghi chú:

- (1) Số phải thu về lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh theo đồng hợp tác liên doanh ngày 22/01/2008 (Xem thêm thuyết minh 4.9).
- (2) Trong đó bao gồm số phải thu về tiền bán chứng khoán là: 7.473.842.395 đồng, số phải thu về tiền đặt cọc mua chứng khoán là: 3.499.200.000 đồng.
- (3) Chuyển trước số tiền của các hợp đồng vay tài sản mà Công ty huy động của các cá nhân theo thỏa thuận nguyên tắc về hợp tác đầu tư số 30/2009/TT-NB- HANIC ngày 01/10/2009.

4.4 Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
	VND	VND
Nguyên vật liệu	-	410.417.908
Công cụ dụng cụ	-	361.965.595
Chi phí SXKD dở dang	3.857.493.144	6.522.095.552
Thành phẩm	-	-
Hàng hoá	47.049.814.996	39.653.531.431
Giá trị gốc của hàng tồn kho	50.907.308.140	46.948.010.486
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	50.907.308.140	46.948.010.486

4.5 Chi phí trả trước ngắn hạn

Số dư tại ngày 31/12/2009 chủ yếu là chi phí quyền mua chứng khoán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam phát hành mà Công ty mua lại của công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Findex theo hợp đồng số 02/2009/Findex-CPVICS ngày 12/11/2009 với trị giá hợp đồng là 1.416.000.000 đồng tương đương quyền mua 472.000 cổ phiếu với giá 12.000 đồng/cổ phiếu và hợp đồng số 03/2009/Findex-CPVICS ngày 24/11/2009 trị giá hợp đồng là 1.500.000.000 đồng tương đương quyền mua 500.000 cổ phiếu với giá 12.000 đồng/cổ phiếu. Chi phí này sẽ được cộng vào giá gốc chứng khoán khi Công ty thực hiện quyền mua chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 6, tòa nhà Viglacela, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.6 Tài sản ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
	VND	VND
Tạm ứng	8.853.183.096	6.787.211.282
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	16.838.410.000	-
- Ký quỹ bằng tiền	9.276.910.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ninh Bắc	5.000.000.000	-
Công ty CP Chứng khoán TM và Công nghiệp Việt Nam	3.676.910.000	-
Ngân hàng Vietcombank- CN Thành Công	600.000.000	-
- Cầm cố, ký quỹ bằng chứng khoán (*)	7.561.500.000	-
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt nam	7.561.500.000	-
Tổng	25.691.593.096	6.787.211.282

Ghi chú (*):

Tại ngày 31/12/2009, các chứng khoán đem cầm cố bao gồm 100.000 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP An Bình trị giá 1.490.000.000 đồng và 200.000 cổ phiếu của Ngân hàng CPTM Quân đội trị giá 6.071.500.000 đồng được trình bày theo giá gốc.

4.7 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2009	2.548.912.677	53.220.319	2.602.132.996
Tăng trong năm	3.023.181.300	126.780.575	3.149.961.875
- Tăng do mua mới	3.023.181.300	126.780.575	3.149.961.875
Tại 31/12/2009	5.572.093.977	180.000.894	5.752.094.871
HAO MÒN LUỸ KẾ			
Tại 01/01/2009	582.758.502	21.588.974	604.347.476
Khấu hao trong năm	428.661.943	50.744.329	479.406.272
- Trích khấu hao trong năm	428.661.943	50.744.329	479.406.272
Tại 31/12/2009	1.011.420.445	72.333.303	1.083.753.748
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2009	1.966.154.175	31.631.345	1.997.785.520
Tại 31/12/2009	4.560.673.532	107.667.591	4.668.341.123

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.8 Đầu tư vào công ty con**

	Tại ngày 31/12/2009	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	VND	VND	(%)	(%)
Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam	249.030.000	2.000.000.000	100%	100%
Địa chỉ: Nhà Vườn NB42 KĐT Trung hòa Nhân Chính - Hà Nội				
Ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô; buôn bán nông lâm sản, nguyên liệu và động vật sống.				
Cộng	249.030.000			

4.9 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết***Đầu tư liên doanh:***

Tại ngày 31/12/2009, số dư khoản đầu tư vào công ty liên doanh là 850.000.000 đồng.

Hợp đồng hợp tác liên doanh được ký ngày 22/01/2008 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (Bên B) với Công ty Cổ phần Điện cơ và Công trình (Bên A) với nội dung: “Đầu tư góp vốn liên doanh cung cấp đệm vi sinh cho các trạm xử lý nước thải bệnh viện trong năm 2008”. Tổng giá trị hợp đồng là 1.050.000.000 đồng.

Ngay sau khi ký kết hợp đồng, Bên B chuyển cho Bên A số tiền là 50% giá trị hợp đồng để sản xuất đệm vi sinh và khi có đơn vị vào thi công trạm xử lý nước thải, Bên B chuyển tiếp 50% số tiền còn lại cho Bên A để đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho sản xuất.

Lợi nhuận của dự án được phân chia như sau: Sau khi hoàn thành các nghĩa vụ về tài chính theo quy định (trừ chi phí thuế phải nộp cho Nhà nước, tiền lãi vay 1,5%/tháng phải trả cho Bên B, phí quản lý 2% phải trả cho Bên A), lợi nhuận còn lại được phân chia theo tỷ lệ 50/50 cho mỗi bên góp vốn. Trong kỳ kết quả nhận được từ liên doanh bao gồm: Tiền lãi vay 337.350.000 đồng, lợi nhuận còn lại là 850.000.000 đồng.

Ngày 20/07/2009 Bên A chuyển trả 1 phần vốn góp liên doanh theo phụ lục hợp đồng số 03/HANIC-CD ngày 17/07/2009 và gia hạn hợp đồng liên doanh đến hết ngày 31/03/2010 với các điều kiện khác trong hợp đồng liên doanh không thay đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.9 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp)*****Đầu tư vào Công ty liên kết:***

	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009	Tỷ lệ phần sở hữu thực tế (%)
	VND	VND	
Công ty CP Đầu tư Phát triển Ô tô xe máy Hà Nội	3.584.000.000	3.584.000.000	35,84%
Địa chỉ: Căn số 7 nhà A, số 532 Đường Láng - Láng Hạ - Đống Đa - Hà Nội			
Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất phụ tùng động cơ xe máy, ô tô, ắc quy ô tô, xe máy. Sản xuất lắp ráp ô tô xe máy, máy vi tính điện tử.			
Cộng	3.584.000.000		

4.10 Đầu tư dài hạn khác

	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu dài hạn	15.319.350.000	-
Cổ phiếu niêm yết	1.100.000.000	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	14.219.350.000	-
Đầu tư dài hạn khác	41.350.000.000	31.515.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkpru	1.680.000.000	900.000.000
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Việt Nam	-	200.000.000
Dự án khu nhà ở văn phòng Tây Mỗ	25.000.000.000	17.500.000.000
Dự án tòa nhà văn phòng KCC cao cấp Mỹ Đình	6.655.000.000	4.900.000.000
Dự án khu biệt thự Quang Hương tỉnh Hòa Bình	800.000.000	800.000.000
Công ty Cổ phần Xuân Minh SD Thanh Hoa	5.850.000.000	5.850.000.000
Công ty Cổ phần XNK và Du lịch Bắc Kạn	1.365.000.000	1.365.000.000
Tổng	56.669.350.000	31.515.000.000

Ghi chú:

Khoản đầu tư dài hạn vào cổ phiếu chưa niêm yết và các khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày theo giá gốc. Số trích lập dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu niêm yết là 596.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.11 Vay và nợ ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
	VND	VND
Ngân hàng Eximbank - Chi nhánh Long Biên	9.789.047.824	14.185.000.000
Ngân hàng Habubank - Chi nhánh Hàng Trống	34.784.495.207	-
Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Thành công	2.192.400.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán TM và Công nghiệp Việt Nam	7.456.100.000	-
Vay các cá nhân	8.598.400.000	14.859.200.000
Tổng	62.820.443.031	29.044.200.000

4.12 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
	VND	VND
Công ty Quản lý quỹ Dầu khí toàn cầu (1)	24.000.000.000	24.000.000.000
Cổ tức phải trả cổ đông	124.289.207	34.119.023
Công ty Tài chính Dầu khí Việt Nam (2)	3.800.000.000	-
Ông Đỗ Trung Thiện	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán TM và Công nghiệp Việt Nam	2.232.118.000	-
Công ty Cổ phần chứng khoán Thăng Long	1.115.400.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	333.069.792	25.000.000
Tổng	33.604.876.999	24.059.119.023

Ghi chú:

- (1) Công ty Quản lý Quỹ Dầu khí toàn cầu chuyển cho Công ty 24 tỷ đồng theo Hợp đồng số 01/HANIC-GP.FUND FUND và Biên bản thống nhất ngày 16/05/2009 giữa Công ty và Công ty quản lý quỹ dầu khí toàn cầu (GP.FUND) về việc thỏa thuận chuyển nhượng quyền tham gia góp 15% vốn đầu tư dự án Tây Mỗ.
- (2) Phải trả theo các hợp đồng mua chứng khoán có kỳ hạn giữa Công ty với Công ty Tài chính Dầu khí Việt Nam như sau:
 - Hợp đồng số 07/P.ĐT&DVTC/2009 ngày 07/09/2009 số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn hợp đồng là đến hết ngày 05/03/2010.
 - Hợp đồng số 01/P.ĐT&DVTC/2009 ngày 23/07/2009 và phụ lục hợp đồng số 01/PL-01/P.ĐT&DVTC/2009 số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn hợp đồng là đến hết ngày 22/04/2010.
 - Hợp đồng số HĐKH-MB-03/P.ĐT&DVTC/2009 ngày 08/09/2009 và phụ lục hợp đồng số 01/PL-HĐKH-MB-03/P.ĐT&DVTC/2009 số tiền 1.800.000.000 đồng, thời hạn hợp đồng là đến hết ngày 05/03/2010.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 6, tòa nhà Viglacela, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.13 Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (3)	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2008	35.000.000.000	241.500.000	-	-	227.058.494	113.529.247	227.058.494	1.702.938.711	37.512.084.946
Tăng vốn trong năm trước	45.000.000.000	7.282.500.000	-	-	-	-	-	-	52.282.500.000
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	-	-	242.542.082	242.542.082
Chi từ các quỹ	-	-	-	-	-	-	(107.342.000)	-	(107.342.000)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	(2.000.000.000)	-	-	-	(1.681.219.146)	(3.681.219.146)
Tại ngày 31/12/2008	80.000.000.000	7.524.000.000	-	(2.000.000.000)	227.058.494	113.529.247	119.716.494	264.261.647	86.248.565.882
Tại ngày 01/01/2009	80.000.000.000	7.524.000.000	-	(2.000.000.000)	227.058.494	113.529.247	119.716.494	264.261.647	86.248.565.882
Tăng vốn trong kỳ (1)	7.020.000.000	(7.020.000.000)	-	2.000.000.000	-	-	-	-	2.000.000.000
Lợi nhuận kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	10.905.576.904	10.905.576.904
Chia cổ tức trong kỳ (2)	-	-	-	-	-	-	-	(2.340.000.000)	(2.340.000.000)
Chi từ các quỹ	-	-	-	-	-	-	(223.180.927)	-	(223.180.927)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	(238.601.444)	-	-	-	-	(64.970.000)	(303.571.444)
Tại ngày 31/12/2009	87.020.000.000	504.000.000	(238.601.444)	-	227.058.494	113.529.247	(103.464.433)	8.764.868.551	96.287.390.415

Ghi chú:

(1) Tăng vốn trong kỳ bao gồm:

- Chia cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông ngày 27/04/2009 với tỷ lệ 9% trên vốn chủ sở hữu.
- Công ty bán 200.000 cổ phiếu phát hành mới cho cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Findex với giá bán bằng mệnh giá theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông ngày 30/07/2009.

(2) Tạm chia cổ tức năm 2009 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 21/04/2009 với tỷ lệ 3% trên vốn chủ sở hữu.

(3) Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền gửi ngân hàng và tiền vay ngắn hạn có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 31/12/2009.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 6, tòa nhà Viglacela, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**4.13 Vốn chủ sở hữu (tiếp)****b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

	Tại ngày 31/12/2009		Tại ngày 01/01/2009	
	'000VND	Số cổ phiếu	'000VND	Số cổ phiếu
Vốn góp của cổ đông sáng lập	24.900.000	2.490.000	23.600.000	2.360.000
Công ty CP Dịch vụ Hỗ trợ DN và Tư vấn Đầu tư	1.000.000	100.000	1.000.000	100.000
Công ty CP Sông Đà 12	1.000.000	100.000	1.000.000	100.000
Công ty CP Công nghiệp Thương mại Sông Đà	1.000.000	100.000	1.000.000	100.000
Ông Đinh Hồng Long	7.000.000	700.000	5.200.000	520.000
Ông Đào Mạnh Kháng	2.800.000	280.000	2.800.000	280.000
Ông Phạm Hồng Hải	2.000.000	200.000	2.000.000	200.000
Bà Lương Thị Anh Hà	1.500.000	150.000	2.000.000	200.000
Ông Lưu Quang Minh	2.000.000	200.000	2.000.000	200.000
Ông Nguyễn Thanh Sơn	2.500.000	250.000	2.000.000	200.000
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	700.000	70.000	700.000	70.000
Cổ đông sáng lập khác	3.400.000	340.000	3.900.000	390.000
Vốn góp của cổ đông khác	62.120.000	6.212.000	56.400.000	5.640.000
Tổng cộng	87.020.000	8.702.000	80.000.000	8.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	35.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm (*)	7.020.000.000	45.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	87.020.000.000	80.000.000.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	2.340.000.000	1.680.619.746

Ghi chú (*):

Tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông ngày 27/04/2009 và phát hành cổ phiếu thường mới theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông ngày 30/07/2009 (Xem thêm ghi chú 4.13a).

d) Cổ tức

	Năm 2009	Năm 2008
- Cổ tức theo kế hoạch năm	10%	16% - 18%
+ Cổ tức tạm chia trong kỳ	3%	15%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4.13 Vốn chủ sở hữu (tiếp)****e) Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2009	Tại ngày 01/01/2009
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.702.000	8.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.702.000	8.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.702.000	8.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	200.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	200.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.702.000	7.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.702.000	7.800.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	200.000
- Mệnh giá cổ phiếu (VND/CP)	10.000	10.000

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	229.689.912.009	196.260.769.126
- Doanh thu bán hàng	223.443.432.171	196.188.323.726
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.246.479.838	72.445.400
Các khoản giảm trừ doanh thu	8.487.000	638.694.786
- Hàng bán bị trả lại	8.487.000	638.694.786
Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	229.681.425.009	195.622.074.340

5.2 Giá vốn

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn hàng bán	213.766.662.712	183.357.901.265
Cộng	213.766.662.712	183.357.901.265

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)****5.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.652.224.765	4.302.571.168
Lãi đầu tư chứng khoán ngắn hạn	15.514.121.557	3.369.793.306
Cổ tức lợi nhuận được chia	1.529.418.460	314.566.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	114.444.028	1.218.479.334
Doanh thu hoạt động tài chính khác	537.801.301	76.950.000
Cộng	20.348.010.111	9.282.360.308

5.4 Chi phí tài chính

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.518.233.647	2.540.422.910
Lỗ đầu tư chứng khoán ngắn hạn	4.956.189.434	6.931.085.374
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.315.599.775	1.367.343.228
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư cổ phiếu	1.898.038.667	241.000.000
Chi phí tài chính khác	3.083.569.448	178.605.061
Cộng	14.771.630.971	11.258.456.573

5.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí bán hàng nhân viên	1.141.658.122	-
Chi phí vật liệu, bao bì	40.106.719	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	168.894.948	168.894.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.317.483.985	4.818.527.460
Chi phí bằng tiền khác	101.899.350	219.815.039
Cộng	2.770.043.124	5.207.237.447

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.132.188.351	2.463.263.027
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	623.530.137	338.107.812
Chi phí khấu hao TSCĐ	276.447.292	140.864.305
Chi phí thuê, phí, lệ phí	845.736.178	148.200.737
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.451.198.831	983.951.170
Chi phí bằng tiền khác	469.874.740	763.910.230
Cộng	5.798.975.529	4.838.297.281

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)****5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.922.122.784	242.542.082
Các khoản điều chỉnh khôi thu nhập chịu thuế	1.529.418.460	314.566.500
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.529.418.460	314.566.500
Điều chỉnh giảm chi phí tính thuế	130.414.988	-
- Chi phí lãi vay vượt mức 1,5 lần lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà Nước quy định	130.414.988	-
Tổng thu nhập chịu thuế	11.523.119.312	(72.024.418)
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 25%	2.880.779.828	-
Chi phí thuế TNDN được giảm theo nghị quyết 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008	864.233.948	-
Chi phí thuế TN doanh nghiệp hiện hành	2.016.545.880	-

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan:

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Mua hàng hóa dịch vụ từ bên liên quan	130.909.091	22.644.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Ô tô xe máy Hà Nội	130.909.091	22.644.500.000
Doanh thu với bên liên quan	410.269.200	1.028.441.790
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Ô tô xe máy Hà Nội	410.269.200	1.028.441.790

Số dư với các bên liên quan:

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công nợ phải thu	1.187.350.000	2.720.367.045
- Ông Đinh Hồng Long	-	253.652.000
- Ông Lưu Quang Minh	-	1.629.927.356
- Công ty Cổ phần Cơ điện và Công trình	1.187.350.000	162.225.000
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Ô tô xe máy Hà Nội	-	674.562.689

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.2 Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán.

Đinh Hồng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2010

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng